TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/DS-ST
Ngày: 27/12/2023
"V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Công
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1.Bà Trần Thị Thanh Nga

2.Ông Nguyễn Văn Đô

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Châu- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết .

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa*:** Bà Cao Thị Hường– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 252/2023/TLST-DS ngày 26/7/2023 về việc: "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 569/2023/QĐXXST-DS ngày 02/11/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 586/TB-TA ngày 24/11/2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Thanh S, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: G L, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Công ty TNHH X (Vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh N, sinh năm: 1975

Địa chỉ: B khu dân cư H, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ liên lạc: M12 khu dân cư V, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Thanh S trình bày:

Vào ngày 07/8/2015, Công ty TNHH X có ký hợp đồng xây dựng số 18/HĐ-XD ngày 07/8/2015 giữa Ban QLDA huyện B và Công ty TNHH X về việc thi công công trình: Trường M (Cơ sở B) huyện B, tỉnh Bình Thuận; hạng mục: 01 phòng học với số tiền 570.982.290 đồng. Do có mối quan hệ làm ăn chung với Công ty X1 cũ nên ông Võ Thanh S nghĩ tin tưởng nhau là chính, hơn nữa nhu cầu cần việc làm nên ông Võ Thanh S với Công ty TNHH X2 ông Trần Minh N là người đại diện theo pháp luật có thỏa thuận nhận lại công trình để thi công xây dựng theo hợp đồng. Đến nay, công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng và chủ đầu tư đã thanh toán dứt điểm số tiền trên cho Công ty TNHH X3 Ngày 25/4/2020, ông Võ Thanh S với Công ty TNHH X đã ký đối chiếu công nợ với số tiền còn phải trả cho ông là 85.872.000 đồng.

Tiếp tục ngày 21/5/2018, Công ty TNHH X có ký hợp đồng xây dựng số 02/HĐXD-TN/2018 ngày 21/5/2018 giữa Ban QLDA huyện H và Công ty TNHH X về việc thi công công trình cổng tường rào điểm lẻ Kê Gà, trường M, huyện H, tỉnh Bình Thuận với số tiền 338.479.000 đồng. Do có mối quan hệ làm chung với Công ty X1 cũ nên ông Võ Thanh S nghĩ tin tưởng nhau là chính, hơn nữa nhu cầu cần việc làm nên ông Võ Thanh S với Công ty TNHH X2 ông Trần Minh N là người đại diện theo pháp luật có thỏa thuận miệng tại quán cà phê do nghĩ là quen biết và ông cũng đã thi công một công trình trước đó. Đến nay, công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng và chủ đầu tư đã thanh toán dứt điểm số tiền trên cho Công ty TNHH X và ông đã nhiều lần liên hệ với Công ty để đối chiếu công nợ nhưng ông Trần Minh N cố tình trốn tránh. Số tiền Công ty TNHH X phải trả cho ông là 173.309.000 đồng. Ông đã thực hiện đối chiếu công nợ qua Y nhưng ông Trần Minh N không trả lời.

Ông Võ Thanh S khởi kiện yêu cầu buộc Công ty TNHH X phải trả cho ông Võ Thanh S số tiền 294.969.000 đồng; trong đó: Tiền khối lượng thi công 02 công trình là:

1.Trường M (Cơ sở B1) huyện B, tỉnh Bình Thuận: 85.872.000 đồng.

2.Trường M, huyện H, tỉnh Bình Thuận: 173.309.000 đồng.

3. Tiền lãi vay theo ngân hàng N1 của 02 công trình tính từ ngày đối chiếu công nợ là ngày 25/4/2020 đến ngày 25/11/2022 là 02 năm, với mức lãi suất 7%/năm, với số tiền là 35.788.000 đồng.

Tổng cộng: 294.969.000 đồng.

Trước đây ông đã khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH X phải trả cho Ông số tiền là 294.649.000 đồng. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ông Trần Minh N đã chuyển khoản từ Công ty TNHH X cho ông số tiền 52.000.000 đồng và hứa hẹn trong tháng 7 năm 2023 sẽ thanh toán dứt điểm cho ông số tiền

còn lại 242.969.000 đồng nên ông đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên đến nay Công ty TNHH X vẫn chưa thanh toán cho ông số tiền còn lại 242.969.000đồng.

Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH X trả cho ông số tiền 242.969.000đồng.

Ngày 21/11/2023, Ông Võ Thanh S có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông Võ Thanh S rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty TNHH X phải trả số tiền ông Võ Thanh S đã nhận thi công đối với công trình cổng tường rào điểm lẻ Kê Gà, trường M, huyện H, tỉnh Bình Thuận với số tiền 173.309.000 đồng, và tiền lãi ngân hàng 03 năm với lý do chưa đủ chứng cứ pháp lý, khi nào thu thập đủ chứng cứ ông S sẽ khởi kiện sau. Ông S chỉ yêu cầu buộc Công ty TNHH X phải trả số tiền ông Võ Thanh S đã nhận thi công đối với Trường M (Cơ sở B1) huyện B, tỉnh Bình Thuận với số tiền 85.872.000 đồng và khoản lãi tính từ ngày đối chiếu công nợ là ngày 25/4/2020 đến ngày 25/11/2023 là 03 năm với số tiền: 85.872.000 đồng x 7%/365 ngày x 1080 (03 năm) = 17.786.000 đồng. Tổng cộng 103.658.000 đồng.

Ngày 27/11/2023, Ông Võ Thanh S có đơn yêu cầu buộc Công ty TNHH X phải trả số tiền ông Võ Thanh S đã nhận thi công đối với Trường M (Cơ sở B1) huyện B, tỉnh Bình Thuận với số tiền 85.872.000 đồng và khoản lãi tính từ ngày đối chiếu công nợ là ngày 26/4/2020 đến ngày xử sơ thẩm 27/12/2023 là 03 năm 08 tháng với số tiền: 85.872.000 đồng x 7%/365 ngày x 1.339 ngày = 22.051.000 đồng. Tổng cộng 107.923.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Võ Thanh S giữ nguyên yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông Võ Thanh S rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty TNHH X phải trả số tiền ông Võ Thanh S đã nhận thi công đối với công trình cổng tường rào điểm lẻ Kê Gà, trường M, huyện H, tỉnh Bình Thuận với số tiền 173.309.000 đồng, và tiền lãi ngân hàng 03 năm. Ông S chỉ yêu cầu buộc Công ty TNHH X phải trả số tiền ông Võ Thanh S đã nhận thi công đối với Trường M (Cơ sở B1) huyện B, tỉnh Bình Thuận với số tiền 85.872.000 đồng và khoản lãi tính từ ngày đối chiếu công nợ là ngày 26/4/2020 đến ngày xử sơ thẩm 27/12/2023 là 44 tháng 02 ngày với số tiền: 85.872.000 đồng x 7%/12 tháng x 44 tháng = 22.040.000 đồng + 85.872.000 đồng x 7%/365 x 02 ngày = 33.000 đồng = 22.073.000. Tổng cộng 107.945.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Công ty TNHH X vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã đảm bảo cho việc ra quyết định đúng pháp luật; về việc tuân

thủ theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu buộc Bị đơn Công ty TNHH X2 ông Trần Minh N là người đại diện theo pháp luật phải trả cho nguyên đơn ông Võ Thanh S số tiền ông Võ Thanh S đã nhận thi công đối với Trường M (Cơ sở B1) huyện B, tỉnh Bình Thuận với số tiền 85.872.000 đồng và khoản lãi tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ theo bảng đối chiếu công nợ là ngày 26/4/2020 đến ngày xử sơ thẩm 27/12/2023 là 44 tháng 02 ngày với số tiền 85.872.000 đồng x 7%/12 tháng x 44 tháng = 22.040.000 đồng + 85.872.000 đồng x 7%/365 x 02 ngày = 33.000 đồng = 22.073.000. Tổng cộng 107.945.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Thanh S buộc bị đơn Công ty TNHH X phải trả số tiền nguyên đơn ông Võ Thanh S đã nhận thi công đối với công trình cổng tường rào điểm lẻ Kê Gà, trường M, huyện H, tỉnh Bình Thuận với số tiền 173.309.000 đồng, và tiền lãi ngân hàng 03 năm.

Buộc bị đơn Công ty TNHH X2 ông Trần Minh N là người đại diện theo pháp luật chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Võ Thanh S khởi kiện bị đơn Công ty TNHH X có địa chỉ trụ sở tại BC25 khu dân cư H, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận do nguyên đơn ông Võ Thanh S và bị đơn Công ty TNHH X có thỏa thuận miệng nhận lại công trình để thi công xây dựng theo hợp đồng. Nguyên đơn ông Võ Thanh S yêu cầu bị đơn Công ty TNHH X phải thanh toán cho ông S số tiền thi công công trình nên đây là quan hệ pháp luật dân sự về tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp và chứng cứ do nguyên đơn

ông Võ Thanh S cung cấp nhưng bị đơn Công ty TNHH X đều không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn ông Võ Thanh S cung cấp cũng như yêu cầu phản tố.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Theo Công văn số 418/CV-ĐKKD ngày 16/10/2023 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh B thì Công ty TNHH X, mã số doanh nghiệp: 3401046180 được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 12/4/2013, cấp đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 22/02/2016. Địa chỉ trụ sở chính theo đăng ký thay đổi lần 1: BC25 khu dân cư H, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Từ ngày 22/02/2016 đến nay (ngày 16/10/2023), Công ty không nộp hồ sơ đăng ký thay đổi trụ sở chính, hồ sơ đăng ký và thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến phòng đăng ký kinh doanh. Người đứng tên đăng ký doanh nghiệp đồng thời là người đại diện theo pháp pháp: Ông Trần Minh N, chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm giám đốc. Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng nhà các loại, mã ngành, nghề: 4100. Tình trạng pháp lý tại hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia: Tạm ngừng hoạt động.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã tống đạt trực tiếp cho bị đơn Công ty TNHH X nhưng không thành và đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai tại nơi bị đơn có trụ sở. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, mà vẫn vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thanh S, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Thanh S giữ nguyên yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể nguyên đơn ông Võ Thanh S rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn Công ty TNHH X phải trả số tiền nguyên đơn ông Võ Thanh S đã nhận thi công đối với công trình cổng tường rào điểm lẻ Kê Gà, trường M, huyện H, tỉnh Bình Thuận với số tiền 173.309.000 đồng, và tiền lãi ngân hàng 03 năm. Nguyên đơn ông Võ Thanh S chỉ yêu cầu buộc bị đơn Công ty TNHH X phải trả số tiền nguyên đơn ông Võ Thanh S đã nhận thi công đối với Trường M (Cơ sở B1) huyện B, tỉnh Bình Thuận với số tiền 85.872.000 đồng và khoản lãi tính từ ngày đối chiếu công nợ là ngày 26/4/2020 đến ngày xử sơ thẩm 27/12/2023 là 44 tháng 02 ngày với số tiền: 85.872.000 đồng x 7%/12 tháng x 44 tháng = 22.040.000 đồng + 85.872.000 đồng x 7%/365 x 02 ngày = 33.000 đồng = 22.073.000. Tổng cộng 107.945.000 đồng.

Nguyên đơn ông Võ Thanh S và bị đơn Công ty TNHH X có thỏa thuận miệng nhận lại công trình để thi công xây dựng theo hợp đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn ông Võ Thanh S đã cung cấp được hợp đồng xây dựng số 18/HĐ-XD ngày 07/8/2015 giữa Ban QLDA huyện B và Công ty TNHH X về việc thi

công công trình: Trường M (Cơ sở B) huyện B, tỉnh Bình Thuận và B tổng hợp hóa đơn chứng từ công trình: 01 phòng-Trường M1-xã P (Đ) được lập giữa Công ty TNHH X2 ông Trần Minh N ký và Đội thi Công Công ty TNHH T do ông Võ Thanh S ký thì số tiền Công ty TNHH X phải trả cho Công ty TNHH T là 85.872.000 đồng. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ, đủ căn cứ để chứng minh nhằm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Võ Thanh S. Vì vậy Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thanh S về việc buộc bị đơn Công ty TNHH X phải trả số tiền nguyên đơn ông Võ Thanh S đã nhận thi công đối với Trường M (Cơ sở B1) huyện B, tỉnh Bình Thuận với số tiền 85.872.000 đồng và khoản lãi tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ theo bảng đối chiếu công nợ là ngày 26/4/2020 đến ngày xử sơ thẩm 27/12/2023 là 44 tháng 02 ngày với số tiền: 85.872.000 đồng x 7%/12 tháng x 44 tháng = 22.040.000 đồng + 85.872.000 đồng x 7%/365 x 02 ngày = 33.000 đồng = 22.073.000. Tổng cộng 107.945.000 đồng.

[5] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Thanh S buộc bị đơn Công ty TNHH X phải trả số tiền nguyên đơn ông Võ Thanh S đã nhận thi công đối với công trình cổng tường rào điểm lẻ Kê Gà, trường M, huyện H, tỉnh Bình Thuận với số tiền 173.309.000 đồng, và tiền lãi ngân hàng 03 năm.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thanh S được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH X2 ông Trần Minh N là người đại diện theo pháp luật nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thanh S được chấp nhận nên nguyên đơn ông Võ Thanh S không phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn ông Võ Thanh S số tiền tạm ứng án phí 7.374.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0018616 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

-Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thanh S về việc buộc bị đơn Công ty TNHH X2 ông Trần Minh N là người đại diện theo pháp luật trả cho nguyên đơn ông Võ Thanh S số tiền 85.872.000 đồng và khoản tiền lãi 22.073.000 đồng. Tổng cộng là 107.945.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn ông Võ Thanh S cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Thanh S buộc bị đơn Công ty TNHH X2 ông Trần Minh N là người đại diện theo pháp luật phải trả số tiền nguyên đơn ông Võ Thanh S đã nhận thi công đối với công trình cổng tường rào điểm lẻ Kê Gà, trường M, huyện H, tỉnh Bình Thuận với số tiền 173.309.000 đồng, và tiền lãi ngân hàng 03 năm.

3.Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH X2 ông Trần Minh N là người đại diện theo pháp luật phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.397.000 đồng. Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Võ Thanh S số tiền tạm ứng án phí 7.374.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0018616 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Quyền kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Thanh S là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/12/2023), quyền kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH X2 ông Trần Minh N là người đại diện theo pháp luật là 15 ngày tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp.PT;
- TAND tỉnh Bình Thuận

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS Tp.PT;
- Cổng TTĐT TAND tối cao
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Văn Công